TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2017/DS-ST
Ngày: 18/7/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-DS ngày 13/02/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T
Trụ sở: đường N, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Trụ sở cũ: đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986 (Văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1984
Thường trú: Đường S, khu phố M, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Công ty T do ông Phạm Ngọc L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/02/2014, Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty) và bà Huỳnh Thị Thanh T có ký hợp đồng tín dụng trả góp số 3416641041, theo đó, Công ty cho bà T vay số tiền 22.449.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, bà T phải thanh toán cho Công ty số tiền 43.248.000 đồng (bao gồm cả nợ vay và lãi) trong thời gian 24 tháng, mỗi tháng trả 1.802.000 đồng, vào ngày 22 hàng tháng, kỳ trả góp đầu tiên vào ngày 22/3/2014, trường hợp bà T thanh toán không đúng như thỏa thuận thì bà T còn phải chịu thêm tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Thực hiện hợp đồng bà T đã nhận được khoản tiền vay, sau đó bà T đã thanh toán cho Công ty được 16 lần với tổng số tiền 24.876.000 đồng, tuy nhiên từ ngày 26/3/2015 đến nay bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty dù Công ty đã thông báo nhắc nhở nhiều lần. Hiện tại bà T còn nợ Công ty số tiền góp là 19.822.000 đồng.

Nay Công ty yêu cầu bà T phải thanh toán một lần số tiền góp còn nợ là 19.822.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.150.000 đồng, tổng cộng là 20.972.000 đồng.

Công ty T do ông Phạm Ngọc L làm đại diện xác định Công ty chỉ cho cá nhân bà Huỳnh Thị Thanh T vay tiền không liên quan gì đến ai, do đó Công ty chỉ yêu cầu cá nhân bà Huỳnh Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền góp còn nợ và tiền phạt nêu trên.

2. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa, đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Công ty T do ông Phạm Ngọc L là đại diện theo ủy quyền xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T có vi phạm về nghĩa vụ trả góp và bà T đã nộp phạt đầy đủ theo đúng thỏa thuận, bà T trả góp lần cuối cùng vào ngày 26/3/2015, từ sau ngày 26/3/2015 cho đến nay bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả góp. Do đó, Công ty yêu cầu bà T phải thanh toán một lần số tiền góp còn nợ 19.822.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.150.000 đồng, tổng cộng là 20.972.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Về yêu cầu thanh toán tiền góp còn lại là 19.822.000 đồng: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty yêu cầu bà T thanh toán số tiền góp còn lại là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.150.000 đồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phạt vi phạm của Công ty, buộc bà Huỳnh Thị Thanh T phải trả tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 650.000 đồng, không chấp nhận phần yêu cầu phạt vi phạm vượt quá là 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp còn lại và phạt vi phạm theo hợp đồng tín dụng trả góp. Theo Kết quả xác minh ngày 12/4/2017 của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại số 65/68/2/5, Đường 5, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2015 bà T không thực tế sinh sống tại địa phương (do nhà bán năm 2015), hiện nay đi đâu không rõ. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 13/4/2017, Công ty T do ông Phạm Ngọc L đại diện đã xác định Công ty không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà T và yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thủ Đức giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T.

2. Về nội dung:

Bà Huỳnh Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của Công ty T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền góp còn lại là 19.822.000 đồng:

Theo Hợp đồng tín dụng trả góp số 3416641041 ngày 22/02/2014, giữa Công ty với bà Huỳnh Thị Thanh T và Bảng kê chi tiết vốn lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định bà Huỳnh Thị Thanh T có vay của Công ty số tiền 22.449.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 6%/tháng, theo phương thức trả góp, mỗi tháng góp 1.802.000 đồng, trả vào ngày 22 hàng tháng, ngày trả góp đầu tiên là 22/3/2014.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điểm d Khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 5 Điều 16 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Công ty T là tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Công ty và bà T được quyền thỏa thuận về lãi suất, phương thức cho vay trả góp. Đồng thời, theo quy định tại Điều 6 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bà T có nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời

hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bà T đã trả cho Công ty được 16 lần, tổng cộng là 24.876.000 đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty yêu cầu bà T trả khoản tiền góp còn lại là 19.822.000 đồng là có căn cứ.

2.2. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.150.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2005, phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó, bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận. Do đó, việc Công ty và bà T thỏa thuận phạt vi phạm trong Hợp đồng tín dụng trả góp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điểm (iii) Khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng trả góp, trường hợp bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày thứ 60 sau ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ thì bà T bị phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt 650.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T có vi phạm về nghĩa vụ trả góp và bà T đã nộp phạt đầy đủ theo đúng thỏa thuận, bà T trả góp lần cuối cùng vào ngày 26/3/2015, từ sau ngày 26/3/2015 cho đến nay bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả góp. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phạt vi phạm của Công ty, bà T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền phạt là 650.000 đồng. Việc Công ty tính số tiền phạt 1.150.000 đồng là vượt quá thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận phần vượt quá 500.000 đồng này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty là 20.472.000 đồng, Công ty phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phạt vi phạm không được Tòa án chấp nhận là 500.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Điều 189, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điểm d Khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 6, Khoản 5 Điều 16 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền góp còn lại là 19.822.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 650.000 đồng; tổng cộng là 20.472.000 đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh T phải trả số tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 500.000 đồng.

3. Trường hợp bà Huỳnh Thị Thanh T chậm trả tiền thì bà Huỳnh Thị Thanh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu là 1.023.600 đồng.

Công ty T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 524.300 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014784 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty T được nhận lại 224.300 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Công ty T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Châu